UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49 /2013/QĐ-UBND	*Lâm Đồng, ngày 21 tháng 10 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: 8847
Ngày: 22/10

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Thông tư 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009; Thông tư số 123/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, khai thác Phần mềm quản lý đăng ký tài sản nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 2409/TTr-STC ngày 07 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định./-

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 3;
- TT Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Tiến

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49 /2013/QĐ-UBND ngày 21 /10 /2013 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp giữa các Sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh; UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) và các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước với Sở Tài chính trong việc cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước thuộc diện phải kê khai đăng ký (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước và sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước (sau đây gọi tắt là CSDL) vào các mục đích: thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; lập dự toán, xét duyệt quyết toán, quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa, sử dụng, xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Quy chế này phải tuân theo nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác số liệu của cả tỉnh, từng cấp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong CSDL.

Điều 3. Trách nhiệm các bên trong quan hệ phối hợp

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước của Bộ Tài chính cho các đơn vị trong tỉnh;

b) Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý những đơn vị vi phạm quy định trong việc lập Báo cáo kê khai, nhập dữ liệu, duyệt dữ liệu, khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định cụ thể tại Quy chế này.

2. UBND cấp huyện; các sở, ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xác nhận báo cáo kê khai của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổng hợp, báo cáo biến động tài sản nhà nước theo đúng thời hạn quy định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản phải báo cáo, kê khai có trách nhiệm:

a) Lập báo cáo kê khai tài sản nhà nước theo quy định.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phối hợp trong việc lập, xác nhận Báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản nhà nước vào CSDL

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản có trách nhiệm lập báo cáo kê khai đăng ký theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính (đính kèm quy chế này); cụ thể:

a) Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN mỗi trụ sở lập riêng một báo cáo kê khai;

b) Đối với xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu số 02-ĐK/TSNN mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai;

c) Đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thực hiện kê khai theo Mẫu số 03-ĐK/TSNN mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai.

d) Trường hợp các đơn vị đã lập báo cáo kê khai đăng ký theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính thì không cần lập lại báo cáo.

2. Trường hợp có thay đổi về tài sản nhà nước do đầu tư xây dựng, mua sắm mới, tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng, thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, tiêu hủy hoặc bán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thay đổi mục đích sử dụng tài sản hoặc cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sát nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị có các thông tin thay đổi nêu trên lập báo cáo kê khai bổ sung trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi theo Mẫu số 04-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính.

3. Báo cáo kê khai đăng ký tài sản nhà nước được lập thành 03 bộ, gửi 02 bộ đến sở, ban, ngành chủ quản hoặc UBND cấp huyện (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản), 01 bộ lưu tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Cơ quan chủ quản (cấp huyện thông qua Phòng Tài chính Kế hoạch) thực hiện xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị; gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến Sở Tài chính, 01 bộ lưu tại cơ quan chủ quản.

5. Sở Tài chính hoặc cơ quan được phân cấp nhập dữ liệu thực hiện việc đăng ký tài sản vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước theo quy định.

Điều 5. Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả kê khai đăng ký tài sản nhà nước

1. Sở Tài chính hoặc các cơ quan được phân cấp nhập liệu có trách nhiệm thường xuyên cập nhật, kiểm tra, đối chiếu số liệu đã nhập vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước với hồ sơ báo cáo kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Sở Tài chính hoặc các cơ quan được phân cấp nhập liệu sau khi đối chiếu số liệu trong CSDL với hồ sơ báo cáo kê khai có trách nhiệm:

a) In và gửi ***"Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước"*** cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản để rà soát, kiểm tra và xác nhận về tính chính xác của số liệu đã đăng nhập vào CSDL;

b) In và gửi thông tin về đất đến Sở Tài nguyên và Môi trường để Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ hồ sơ địa chính đối chiếu, kiểm tra các thông tin có liên quan.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận thông tin nêu trên và gửi về Sở Tài chính trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị.

Điều 6. Phối hợp trong công tác lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng kế hoạch mua sắm, đầu tư xây dựng phải trình kèm thông tin về hiện trạng và số lượng tài sản nhà nước hiện có trong CSDL hoặc các thông tin cần thiết khác, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng kế hoạch nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước trong quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước phân bổ hàng năm cho hoạt động này phải trình kèm theo ***"Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước"*** của tài sản từ thời điểm hình thành đến thời điểm lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hiện trạng và số lượng tài sản đã được trang cấp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã đăng ký trong CSDL quốc gia về tài sản nhà nước; nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa kê khai, đăng ký tài sản *(trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/ 1 đơn vị tài sản)* theo quy định, Sở Tài chính đề nghị đơn vị kê khai bổ sung đầy đủ trước khi thực hiện thẩm định dự toán; từ năm 2013, không xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo sửa chữa tài sản đối với

1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Sở Tài chính có trách nhiệm lập, gửi Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản của năm theo quy định tại Điều 32, Điều 34 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ.

2. Để đảm bảo số liệu báo cáo được thống nhất, Sở Tài chính thực hiện việc khoá toàn bộ số liệu tài sản thuộc phạm vi quản lý trong Cơ sở dữ liệu quốc gia để báo cáo vào ngày 30/01 hàng năm; các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa nhập dữ liệu tăng, giảm tài sản của năm báo cáo vào Phần mềm phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính.

Các biểu mẫu kèm theo Báo cáo phải được kết xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước, bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp hiện trạng sử dụng nhà, đất theo Mẫu số 02B-ĐK/TSNN.

b) Báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản nhà nước theo Mẫu số 02C-ĐK/TSNN.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt những nội dung của bản Quy chế này thì được khen thưởng; cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tuỳ theo mức độ vi phạm mà có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình và kết quả thực hiện quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan và UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm thi hành những quy định tại bản Quy chế này;

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để hướng dẫn xử lý./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Tiến

những đơn vị có tài sản phải đăng ký nhưng không thực hiện kê khai vào Phần mềm.

4. Trường hợp cần thiết, các cơ quan thẩm định kiểm tra thực tế tài sản tại đơn vị; nếu số liệu trong CSDL quốc gia không phản ánh đúng thực tế hiện trạng kiểm tra thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

5. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp ***"Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước"*** cho đơn vị khi có yêu cầu trong trường hợp địa phương chưa phân cấp việc khai thác dữ liệu về tài sản nhà nước cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản.

Điều 7. Phối hợp trong công tác xét duyệt quyết toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước

1. Cơ quan có thẩm quyền xét duyệt quyết toán *(Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch)* chỉ xem xét, thực hiện quyết toán đối với các tài sản thuộc đối tượng kê khai đăng ký sau khi tài sản đó đã được đăng ký vào CSDL.

2. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa CSDL với giá trị duyệt quyết toán thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

3. Sau khi có kết quả duyệt quyết toán, các đơn vị thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản nhà nước đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục theo dõi.

Điều 8. Phối hợp trong công tác xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước khi đề nghị xử lý tài sản nhà nước (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) phải kèm theo ***"Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý"*** theo mẫu quy định, được in trực tiếp từ CSDL.

2. Sở Tài chính hướng dẫn thủ tục và có trách nhiệm cung cấp ***"Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý"*** cho đơn vị khi có yêu cầu trong trường hợp địa phương chưa phân cấp việc khai thác dữ liệu về tài sản nhà nước cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản.

Điều 9. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong CSDL để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp hồ sơ về tài sản in trực tiếp từ CSDL khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Điều 10. Phối hợp trong công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

Bộ, tỉnh:.....
Mã đơn vị: .....

Mẫu số 02B-ĐK/TSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG NHÀ, ĐẤT

Kỳ báo cáo: Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Phần 1: Tổng hợp chung

ĐVT: - Số lượng là:..... cái, khuôn viên;
- DT đất là:..... m^2;
- DT nhà là:..... m^2.

TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
			Trụ sở làm việc	Cơ sở HĐSN	Sử dụng khác				
					Làm nhà ở	Cho thuê	Bỏ trống	Bị lấn chiếm	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1- Đất khuôn viên									
2- Nhà									
Tổng cộng									

Nguồn: CSDL về TSNN.

....., ngày..... tháng..... năm .....
NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....
BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....
Mã đơn vị: .....

Mẫu số 02B-ĐK/TSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC
ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG NHÀ, ĐẤT

Kỳ báo cáo: Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Phần 2. Chi tiết theo loại hình đơn vị

ĐVT: - Số lượng là:..... cái, khuôn viên;
- DT đất là:..... m^2;
- DT nhà là:..... m^2.

TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
			Trụ sở làm việc	Cơ sở HĐSN	Sử dụng khác				
					Làm nhà ở	Cho thuê	Bỏ trống	Bị lấn chiếm	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I- Khối quản lý nhà nước									
1- Đất khuôn viên									
2- Nhà									
II- Khối sự nghiệp									
1- Đất khuôn viên									
2- Nhà									
III- Khối các tổ chức									
1- Đất khuôn viên									
2- Nhà									
Tổng cộng									

Nguồn: CSDL về TSNN.

....., ngày..... tháng..... năm .....
NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....
BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....
Mã đơn vị: .....

Mẫu số 02B-ĐK/TSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG NHÀ, ĐẤT

Kỳ báo cáo: Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Phần 3. Chi tiết theo từng đơn vị

ĐVT: - Số lượng là:..... cái, khuôn viên;
- DT đất là:..... m^2;
- DT nhà là:..... m^2.

TÀI SẢN	MÃ ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
				Trụ sở làm việc	Cơ sở HĐSN	Sử dụng khác				
						Làm nhà ở	Cho thuê	Bỏ trống	Bị lấn chiếm	Khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
I- Đơn vị dự toán cấp 2/UBND huyện...										
1- Đất khuôn viên										
2- Nhà										
II- Đơn vị dự toán cấp 2/UBND huyện...										
1- Đất khuôn viên										
2- Nhà										
...										
Tổng cộng										

Nguồn: CSDL về TSNN.

....., ngày..... tháng..... năm .....
NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....
BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....
Mã đơn vị: .....

Mẫu số 02C-ĐK/TSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Kỳ báo cáo: Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Phần 1: Tổng hợp chung

ĐVT: - Số lượng là:..... cái, khuôn viên;
- DT đất là:..... m^2;
- DT nhà là:..... m^2;
- Nguyên giá là:..... đồng.

TÀI SẢN	SỐ ĐẦU KỲ			SỐ TĂNG TRONG KỲ			SỐ GIẢM TRONG KỲ			SỐ CUỐI KỲ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1- Đất khuôn viên												
2- Nhà												
3- Xe ô tô												
4- Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên												
Tổng cộng												

Nguồn: CSDL về TSNN.

....., ngày..... tháng..... năm .....
NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....
BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....
Mã đơn vị: .....

Mẫu số 02C-ĐK/TSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Kỳ báo cáo: Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Phần 2: Chi tiết theo loại hình đơn vị

ĐVT: Số lượng là:..... cái, khuôn viên; DT đất là:..... m^2; DT nhà là:..... m^2; Nguyên giá là:..... đồng.

TÀI SẢN	SỐ ĐẦU KỲ			SỐ TĂNG TRONG KỲ			SỐ GIẢM TRONG KỲ			SỐ CUỐI KỲ		
	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I- Khối quản lý nhà nước												
1- Đất khuôn viên												
2- Nhà												
3- Xe ô tô												
4- Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên												
II- Khối sự nghiệp												
1- Đất khuôn viên												
2- Nhà												
3- Xe ô tô												
4- Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên												
III- Khối các tổ chức												
1- Đất khuôn viên												
2- Nhà												
3- Xe ô tô												
4- Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên												
Tổng cộng												

Nguồn: CSDL về TSNN.

....., ngày..... tháng..... năm .....
NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....
BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....
Mã đơn vị: .....

Mẫu số 02C-ĐK/TSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Kỳ báo cáo: Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Phần 3: Chi tiết theo từng đơn vị

ĐVT: Số lượng là:..... cái, khuôn viên; DT đất là:..... m^2; DT nhà là:..... m^2; Nguyên giá là:..... đồng.

TÀI SẢN	MÃ ĐƠN VỊ	SỐ ĐẦU KỲ			SỐ TĂNG TRONG KỲ			SỐ GIẢM TRONG KỲ			SỐ CUỐI KỲ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I- Đơn vị dự toán cấp 2/UBND huyện...													
1- Đất khuôn viên													
2- Nhà													
3- Xe ô tô													
4- Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên													
II- Đơn vị dự toán cấp 2/UBND huyện...													
1- Đất khuôn viên													
2- Nhà													
3- Xe ô tô													
4- Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên													
...													
Tổng cộng													

Nguồn: CSDL về TSNN.

....., ngày..... tháng..... năm .....
NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....
BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....
Đơn vị chủ quản:.....
Đơn vị sử dụng tài sản:.....
Mã đơn vị:.....
Loại hình đơn vị:.....

Mẫu số 01-ĐK/TSNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Địa chỉ:.....

I- Về đất:

a- Diện tích khuôn viên đất:.....m2.

b- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc.....;Làm cơ sở HĐ sự nghiệp.....;Làm nhà ở.....;Cho thuê.....;Bỏ trống.....;Bị lấn chiếm.....;Sử dụng vào mục đích khác..... .m2.

c- Giá trị theo sổ kế toán:.....ngàn đồng.

II- Về nhà:

TÀI SẢN	CẤP HẠNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (ngàn đồng)			SỐ TẦNG	DT XÂY DỰNG (m2)	TỔNG DT XÂY DỰNG (m2)	HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m2)						
				Nguyên giá		Giá trị còn lại				Trụ sở làm việc	Cơ sở HĐSN	Sử dụng khác				
				Nguồn NS	Nguồn khác							Làm nhà ở	Cho thuê	Bỏ trống	Bị lấn chiếm	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1- Nhà ...																
2- Nhà ...																
Tổng cộng:																

III- Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà, đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Giấy tờ khác).

....., ngày..... tháng..... năm .....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

- Báo cáo kê khai lần đầu: ☐
- Báo cáo kê khai bổ sung: ☐

(Trường hợp kê khai lần đầu đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai lần đầu, trường hợp kê khai bổ sung đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai bổ sung)

Bộ, tỉnh:.....
Đơn vị chủ quản:.....
Đơn vị sử dụng tài sản:.....
Mã đơn vị:.....
Loại hình đơn vị:.....

Mẫu số 02-ĐK/TSNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KÊ KHAI XE Ô TÔ

TÀI SẢN	NHÃN HIỆU	BIỂN KIỂM SOÁT	SỐ CHỖ NGỒI/ TẢI TRỌNG	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	CÔNG SUẤT XE	CHỨC DANH SỬ DỤNG XE	NGUỒN GỐC XE	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (ngàn đồng)			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (chiếc)			
										Nguyên giá		Giá trị còn lại	QLNN	HĐ sự nghiệp		HĐ khác
										Nguồn NS	Nguồn khác			Kinh doanh	Không KD	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I- Xe phục vụ chức danh																
1- Xe ...																
2- Xe ...																
II- Xe phục vụ chung																
1- Xe ...																
2- Xe ...																
III- Xe chuyên dùng																
1- Xe ...																
2- Xe ...																
Tổng cộng:																

....., ngày..... tháng..... năm .....

XÁC NHẬN CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

- Báo cáo kê khai lần đầu: ☐
- Báo cáo kê khai bổ sung: ☐

(Trường hợp kê khai lần đầu đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai lần đầu, trường hợp kê khai bổ sung đánh (x) vào dòng Báo cáo k ê khai bổ sung)

Bộ, tỉnh:.....

Đơn vị chủ quản:.....

Đơn vị sử dụng tài sản:.....

Mã đơn vị:.....

Loại hình đơn vị:.....

Mẫu số 03-ĐK/TSNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN CÓ NGUYÊN GIÁ TỪ 500 TRIỆU ĐỒNG TRỞ LÊN

TÀI SẢN	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (ngàn đồng)			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (cái, chiếc)			
					Nguyên giá		Giá trị còn lại	QLNN	HĐ sự nghiệp		HĐ [illegible]
					Nguồn NS	Nguồn khác			Kinh doanh	Không KD	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1- Tài sản ...											
2- Tài sản ...											
3- Tài sản ...											
...											
Tổng cộng:											

....., ngày..... tháng..... năm .....

XÁC NHẬN CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

- Báo cáo kê khai lần đầu: ☐

- Báo cáo kê khai bổ sung: ☐

(Trường hợp kê khai lần đầu đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai lần đầu, trường hợp kê khai bổ sung đánh (x) vào dòng Báo cáo k ê khai bổ sung)

Bộ, tỉnh:.....

Đơn vị chủ quản:.....

Đơn vị sử dụng tài sản:.....

Mã đơn vị:.....

Loại hình đơn vị:.....

Mẫu số 04a-ĐK/TSNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KÊ KHAI THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TÀI SẢN

STT	CHỈ TIÊU	THÔNG TIN ĐÃ KÊ KHAI	THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI	NGÀY THÁNG THAY ĐỔI	LÝ DO THAY ĐỔI
	1	2	3	4	5
1	Mã đơn vị QHNS				
2	Tên đơn vị				
3	Đơn vị chủ quản				
4	Địa chỉ				
5	Thuộc loại (đơn vị tổng hợp/ đơn vị đăng ký)				
6	Thuộc khối (Bộ, cơ quan trung ương/Tỉnh, huyện, xã)				
7	Loại hình đơn vị + Cơ quan nhà nước (cơ quan hành chính/cơ quan khác) + Đơn vị sự nghiệp (giáo dục/ y tế/ văn hóa, thể thao/ khoa học công nghệ/ sự nghiệp khác; tự chủ tài chính/chưa tự chủ tài chính) + Tổ chức (chính trị/ chính trị - xã hội/ chính trị xã hội - nghề nghiệp/ xã hội/ xã hội - nghề nghiệp)				

....., ngày..... tháng..... năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)